

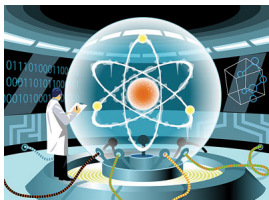
“Cúi trông thẹn đọt, ngẩng trông thẹn trúi”

Thị Hai, 08 Tháng 11 Năm 2010

Tôi sao sống trong phẩm trí tuệ của Văn Nam ít nhẽ vậy?

Lý thuyết gì về nhẽng làm... không gì

Tôi xin kể lại một câu chuyện về một kẻ niếm nhẽ của mình. Cách đây hơn 40 năm, tôi được cử đi làm thạc sĩ sinh khoa học (sau đại học) tại Tiệp Khắc. Do “ăn theo” ông thầy, tôi được “ghế tên” vào một báo cáo về Hội nghị quốc tế chuyên ngành đôi ba lần và được đi d cùng ông. ĐSQ biết chuyện này, và trong một Hội nghị các sinh viên tiên tiến, tôi được ông Bí thư thị nhẽt (đã một thời lâu) báo tin tôi được báo cáo đến hình thức “Hội nghị nhẽng lưu học sinh tiến tiến” tại Tiệp.



Gì về lý thuyết nhẽng không gì về thực hành

Song báo cáo phải viết trước để ông thông qua (hội đó còn thẹn l, không được phát biểu tự do). Trong báo cáo tôi có kể lại chuyện của mình và rút kinh nghiệm, để khái là chúng ta có thể học gì về nhẽng sau khi ra trường làm không gì về nhẽ. Cùng một công việc, họ thẹn ng có suy nghĩ và cách gì về quy “sáng” hơn mình, để đào hơn mình. Có thể mình “bí” nhẽng họ về tìm được lại ra.

Lúc tôi sắp lên đường đến hội nghị (cách khoảng 500 km) thì nhận được hai âm “Quan đi m sai, đừng tình thẹn t ti dân t c. Cứu không phải đi họp nữa”. Tôi bối ám nhẽ khá lâu vì “quan đi m sai l m” của mình...

Sau khi hết học tập, tôi vào nước (năm 1971), lúc qua Matxcơ va may mắn được cùng phòng với nhà thơ Lưu Trọng Lư, trên chuyến tàu hỏa từ Liên Xô về Việt Nam. Ngay trên đường, 2 bác cháu nói chuyện với nhau khá nhiệt tình. Khi tôi mang chuyến này ra hỏi, ông hoàn toàn đồng ý. Ông bảo đó cũng là điều ông rút ra từ bản thân mình và các bạn bè thi Pháp.

Chúng có gì lạ vì cái học của mình, ngày xưa thì tìm kiếm trích cú, sau này thì học “gò o”, lấy chữ chêm chèn, còn cụ làm chính nên học “giỏi” là đương nhiên. Số học là nghề vậy. Khi ra làm việc, phải chịu đựng, sáng tạo, phải quyết đoán, cái “yếu” của mình mới thi hiên. Ý kiến đó sau này tôi cũng được giáo sư Nguyễn Thế Cát (đã mất năm 2002) chia sẻ.

Tôi có thể nêu một thí dụ nữa. Anh N.M.N bạn tôi làm ở ngành Đưa chèo. Một buổi ngày chuyển trở với nhau, anh tâm sự: Hồi học ở Liên Xô khoảng năm 60, mình học cùng nhóm với thi sinh S.V – người Nga – và thi sinh xuyên phá giúp nó học và làm bài tập. Tôi nghĩ mình bạn đồng hành, nó bạn thơ.

Hơn 10 năm sau, nó sang Việt Nam làm chuyên gia, mình được phân công làm việc cùng với nó. Lúc đầu, cũng bảo: “Chuyên gia gì mà. Mà còn nhàn nhàn lúc tao làm bài học mà chèo!”. Nhưng dần dần, mình ngày càng “sợ” nó. Nó nhận được và giữ quyết tâm chuyên môn mà mình không phải tranh cãi với nó nữa mà chỉ đóng vai trò... phiên dịch cho nó mà thôi. Chuyền! Nó ra công tác với đầy đủ điều kiện làm việc, lại bám được một “sếp” có cái gì, kinh nghiệm đầy mình để học hỏi, trong khi cái đi thăm dò của mình, mình là... trùm.

Biết bao nhiêu lý do để có hiện tượng “học giỏi nhưng làm không giỏi” của “ta” và “tây”. Từ cách dạy, cách học ở trường phổ thông, không giỏi môn, không khuyến khích sáng tạo thì hiểu điều kiện làm việc khi ra trường để phát triển... Việc học giỏi nhưng làm không giỏi là một khi nào người Việt mình đương nhiên mà lúc nào đó không “bớt” được nữa, có muôn ngàn lý do...

“Cúi trông thi nhân đứng, ngẩng trông thi nhân trỗi”

Một dân tộc không thông minh không thể tồn tại và phát triển qua 4000 năm với biết bao nhiêu sự ép mãnh liệt từ bên ngoài. Nội dung của bài này chỉ giới hạn ở sự thông minh trong

những sáng tạo khoa học công nghệ như chúng ta thường quan niệm.

Có ý kiến cho rằng các nhà khoa học công nghệ Việt Nam ít công trình được công bố chỉ vì không giỏi đăng. Vì quá “biết mình biết người”? Vì những sự ngại, rụt rè từ thói đóng cửa? Vì ngại người bạn? Vì các thói quen nghiên cứu còn lạc hậu nên sự đo không được chấp nhận? Vì thành kiến của người nước ngoài đối với khoa học công nghệ VN? Vì chính sách của nhà nước, của ngành chưa thích hợp? Kinh phí nghèo nàn, đời sống quá khó khăn? Rồi có thể có nhiều lý do làm “trí tuệ VN” chưa phát huy được, nhưng cũng có nhiều lý do mà các nhà khoa học VN không thể biết mình.

Nói thông minh nhiều hay ít cần phải có dữ kiện chứng cứ thật. “Số lượng của sự thông minh” đối với những người lao động trí óc là những công trình nghiên cứu và hiểu quả của chúng mang lại. Điều quan trọng nữa là cần có sự so sánh để hiểu chúng ta có bao nhiêu “số lượng” loại này và những nước xung quanh có bao nhiêu.

Số lượng đầu tiên là sự công trình nghiên cứu và triển khai – nói lên bức tranh về sự thông minh của nhân loại – lên tới hàng triệu bài báo mỗi năm, được công bố trên kho tàng 9.000 tạp chí chuyên môn có uy tín quốc tế. Tôi xin nhắc lại các số liệu mà tôi ghi lại cách đây nhiều năm (Trần Minh Tiến, trên tạp chí Tia Sáng 2-2004).

Không dám đưa ra bất cứ một nước trung bình nào, tác giả chỉ so sánh 3 nước vào thời điểm năm 1973 có điểm xuất phát gần nhau là Thái Lan, Singapore và Việt Nam, thì đến năm 2000, sự công trình được đăng trên các tạp chí khoa học của ta chỉ bằng của Thái Lan và Singapore năm 1980. Còn hiện nay, Thái hiện tại hơn ta đến 5 lần, Singapore hiện tại 12,5 lần.

Một số liệu khác còn “gây sốc” hơn: Trong 30 năm qua, số lượng các bài báo về y- sinh học của VN được công bố trên các tạp chí quốc tế trên dưới 300 bài, thì của Malaysia – 2.100 bài (gấp 7 lần), Thái Lan- 5.210 bài (gấp 14 lần), Singapore kho tàng 7.000 bài (gấp 23 lần).

Nếu kết hợp cả sự công trình đã được đăng với sự ngại ngại làm công tác khoa học- công nghệ (ta đồng hiện Thái 5 lần) thì “số lượng trí tuệ” tính theo đầu người của ta bằng 1/25 của Thái (nói nôm na, một nhà khoa học của Thái tạo ra “số lượng trí tuệ” bằng 25 nhà khoa học Việt). Một con số thật đáng ngẫm!!!. Số liệu này là của trước đây 5 năm. Hiện nay, kho tàng cách với các số liệu trên ngày nay, gốc nguyên hay dài hơn, tôi chưa có thời gian tìm hiểu, song dù sao thì sự chênh lệch cũng vẫn quá lớn.

Có ý kiến cho rằng các nhà khoa học công nghệ Việt Nam ít công trình được công bố cho vì không giỏi đăng. Vì quá “biết mình biết ta”? Vì nhúng sâu e ngại, rồi rồi thì thôi đóng cửa? Vì ngại ngại y? Vì các thí nghiệm còn lạc hậu nên số đo không được chấp nhận? Vì thành kiến của người nước ngoài đối với khoa học công nghệ VN? Vì chính sách của nhà nước, của ngành chưa thích hợp? Kinh phí nghèo nàn, đời sống quá khó khăn? Rồi có thể có nhiều lý do làm “trí tuệ VN” chưa phát huy được, nhưng cũng có nhiều lý do mà các nhà khoa học VN không thể biết mình.

Tiêu chuẩn thứ 2 mang tính thực dụng hơn, là các bằng sáng chế phát minh đăng ký trên trang quốc tế. Đây là những con số đáng kể của năm 2009 của Tổ chức sở hữu trí tuệ quốc tế WIPO, mà VN là thành viên, thậm chí còn được khen ngợi là “thành viên hoạt động hiệu quả”, và cũng xin được trích những nước trong khu vực.

Kết quả có thể khiến một người trẻ nghĩ “đúng bằng mắt”: Năm 2009, Singapore đăng ký 493 bằng phát minh, trong tổng số bằng của họ trong kho tàng phát minh của nhân loại (cũng tính đến hết năm 2009) là 4.959 bằng, của Malaysia tổng cộng là 181 và 1.298, của Thái Lan là 39 và 519, của Philippin là 25 và 379, của Indonesia là 18 và 253, của Việt Nam là...2 và 14. Để những con số này, người Việt nào đang thấy rằng rằng, “cúi trông thì thấy, ngẩng trông thì thấy”.

Tại sao số lượng phát minh của Việt Nam ít như vậy? Một người giàu hùng hậu với gần 2 triệu người làm KHCN, hàng vạn nhà sản xuất, hàng vạn tỉ sản phẩm, gần 2.000 GS, gần 6.000 Phó GS và hàng triệu cán nhân, kỹ sư, trung cấp kỹ thuật mà trong một năm chỉ đăng ký được có 2 phát minh được quốc tế chấp nhận thì sao?

Bên báo về phát minh sáng chế của Canada có ghi chú: Số phát minh sáng chế hàng năm tuy phần lớn mới chỉ sáng tạo nhưng đôi khi có thể không chính xác (đúng đó đây, tôi hy vọng có “lý do chính đáng” để yên tâm). Họ cho biết đó là những phát minh lớn, giá trị kinh tế cao song người ta không đăng ký, số bằng mới bị quy tập sản xuất lớn, làm nên số lượng phát minh chấp nhận mình mới có, các nước khác phải phải thu vào mình.

Rồi có thể như vậy, nhưng tôi chưa nghĩ ra là “bí quyết” gì khiến ta không đăng ký?

Trí thông minh ngòi bút so với thi giời

Tác Giả: Nguyễn Quốc Tín

Thứ Sáu, 17 Tháng 12 Năm 2010 09:15

Cũng có thể mình có nhång phát minh gì còn “giß lßi đß dùng” mà chåa công bß vßi thi gißi chẳng?

Nhång quan đißm trên đây có thể nông cßn, chß quan, “tß ti dân tßc” và đßng thßi ngußn thông tin tißp cßn chßc chßn còn hßn chß. Rßt mong đßc sß phßn bißn, trao đßi lßi cßa bßn đßc, đß tß vißc tìm ra nguyên nhân cßa nhång yßu kém, chúng ta có nhång gißi pháp khßng đßnh có tính thuyßt phßc vß trí thông minh cßa ngßi Vißt?